

PHỤ LỤC SỐ VIII

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Y tế)

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	A. RĂNG
1.	Phẫu thuật dịch chuyển dây thần kinh răng dưới để cấy ghép Implant
2.	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant
3.	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant
4.	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant
5.	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
6.	Phẫu thuật cấy ghép Implant
7.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant
8.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant
9.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant
10.	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant
11.	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
12.	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant
13.	Phẫu thuật đặt lưới Titanium tái tạo xương có hướng dẫn
14.	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
15.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng
16.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng
17.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học
18.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô
19.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương
20.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng
21.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng
22.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học
23.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học
24.	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chẽ chân răng bằng đặt màng sinh học

25.	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chẽ chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học
26.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc
27.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vật niêm mạc toàn phần
28.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô
29.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên
30.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học
31.	Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính
32.	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính
33.	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
34.	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng
35.	Phẫu thuật nạo túi lợi
36.	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
37.	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
38.	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp
40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn
41.	Điều trị viêm quanh răng
42.	Chích áp xe lợi
43.	Lấy cao răng
44.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.
45.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
46.	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
47.	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
48.	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
49.	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
51.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy

52.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
53.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
54.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
55.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
56.	Chụp tủy bằng MTA
57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
58.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
59.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
60.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
61.	Điều trị tủy lại
62.	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
63.	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
64.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser
65.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser
66.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
69.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement
71.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite
73.	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
74.	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
75.	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser
76.	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
77.	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
78.	Veneer Composite trực tiếp
79.	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma

80.	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser
81.	Tẩy trắng răng nội tủy
82.	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
83.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
84.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
85.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
86.	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
87.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
88.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
89.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
90.	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
91.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
92.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
93.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
94.	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
95.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
96.	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
97.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implants
98.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
99.	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
100.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
101.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
102.	Hàm giả toàn phần dạng cúc bám tựa trên Implant
103.	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
104.	Chụp nhựa
105.	Chụp kim loại
106.	Chụp hợp kim thường cần nhựa
107.	Chụp hợp kim thường cần sứ
108.	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
109.	Chụp sứ toàn phần
110.	Chụp kim loại quý cần sứ
111.	Chụp sứ Cercon

112.	Cầu nhựa
113.	Cầu hợp kim thường
114.	Cầu kim loại cần nhựa
115.	Cầu kim loại cần sứ
116.	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
117.	Cầu kim loại quý cần sứ
118.	Cầu sứ toàn phần
119.	Cầu sứ Cercon
120.	Chốt cùi đúc kim loại
121.	Cùi đúc Titanium
122.	Cùi đúc kim loại quý
123.	Inlay/Onlay kim loại
124.	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
125.	Inlay/Onlay kim loại quý
126.	Inlay/Onlay sứ toàn phần
127.	Veneer Composite gián tiếp
128.	Veneer sứ toàn phần
129.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
130.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
132.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
133.	Hàm khung kim loại
134.	Hàm khung Titanium
135.	Máng hở mặt nhai
136.	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
137.	Tháo cầu răng giả
138.	Tháo chụp răng giả
139.	Sửa hàm giả gãy
140.	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
141.	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
142.	Đệm hàm nhựa thường
143.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi

144.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
145.	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
146.	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
147.	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
148.	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
149.	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định Forsus
150.	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định MARA
151.	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear
152.	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ Facemask và ốc nong nhanh
153.	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup
154.	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
155.	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
156.	Sử dụng cung ngang khâu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
157.	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
158.	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant
159.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
160.	Nắn chỉnh răng ngầm
161.	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
162.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khâu cái (TPA)
163.	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
164.	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
165.	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
166.	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
167.	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
168.	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
169.	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
170.	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
171.	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp
172.	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp

173.	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
174.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
175.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
176.	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
177.	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
178.	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
179.	Nắn chỉnh khô tiên hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng
180.	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
181.	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
182.	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp
183.	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
184.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
185.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
186.	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
187.	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)
188.	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
189.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
190.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
191.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
192.	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
193.	Gắn band
194.	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
195.	Máng nâng khớp cắn
196.	Mài chỉnh khớp cắn
197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
198.	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
200.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
201.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
202.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng

203.	Nhỏ răng vĩnh viễn
204.	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay
205.	Nhỏ chân răng vĩnh viễn
206.	Nhỏ răng thừa
207.	Phẫu thuật nhỏ răng có tạo hình xương ổ răng
208.	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
209.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
210.	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
211.	Phẫu thuật cắt cuống răng
212.	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc
214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
215.	Cắt lợi di động để làm hàm giả
216.	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
217.	Phẫu thuật cắt phanh môi
218.	Phẫu thuật cắt phanh má
219.	Cấy chuyển răng
220.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
222.	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp
223.	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
225.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
226.	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement
227.	Hàn răng không sang chần với Glasslonomer Cement
228.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
229.	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
230.	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
231.	Lấy tủy buồng răng sữa
232.	Điều trị tủy răng sữa
233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
234.	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA

235.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam
236.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement
237.	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
238.	Nhổ răng sữa
239.	Nhổ chân răng sữa
240.	Chích Apxe lợi trẻ em
241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
	B. HÀM MẶT
242.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chì thép
243.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
244.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
245.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế
246.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân
247.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chì thép
248.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim
249.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu
250.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chì thép
251.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim
252.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu
253.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chì thép
254.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim
255.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu
256.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên
257.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới
258.	Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má
259.	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên
260.	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên
261.	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên
262.	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên
263.	Phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm
264.	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép xương - sụn tự thân

265.	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép vật liệu thay thế
266.	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng ghép xương - sụn tự thân
267.	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng vật liệu thay thế
268.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
269.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
270.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu
271.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép
272.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim
273.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu
274.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép
275.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
276.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
277.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép
278.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim
279.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu
280.	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây mê)
281.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép
282.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim
283.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu
284.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế
285.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật
286.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm
287.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm
288.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm
289.	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng lấy bỏ lồi cầu
290.	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới
291.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
292.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân
293.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế
294.	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
295.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức

296.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tố chức
297.	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí
298.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
299.	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
300.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
301.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
302.	Phẫu thuật tái tạo xương hàm dưới ghép xương bằng kỹ thuật vi phẫu
303.	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng vi phẫu thuật
304.	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
305.	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
306.	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm
307.	Phẫu thuật nối ống tuyến điều trị rò tuyến nước bọt mang tai
308.	Phẫu thuật tạo đường dẫn trong miệng điều trị rò tuyến nước bọt mang tai
309.	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
310.	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
311.	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên
312.	Phẫu thuật ghép xương tự thân tự do tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
313.	Phẫu thuật cắt đoạn xương hàm dưới không đặt nẹp giữ chỗ
314.	Phẫu thuật ghép xương với khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
315.	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
316.	Phẫu thuật cắt nhánh ổ mắt của dây thần kinh V
317.	Phẫu thuật cắt nhánh dưới hàm của dây thần kinh V
318.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt bằng vật da cơ
319.	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII
320.	Phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền
321.	Phẫu thuật cắt lồi xương
322.	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình
323.	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
324.	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng
325.	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm

326.	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ
327.	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ
328.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
329.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên
330.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang
331.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
332.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới
333.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tủy lan tỏa vùng hàm mặt
334.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
335.	Nắn sai khớp thái dương hàm
336.	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê
337.	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê
338.	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
339.	Điều trị u lợi bằng Laser
340.	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
341.	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên
342.	Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên
343.	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt một bên
344.	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt hai bên
345.	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ
346.	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ
347.	Phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt
348.	Phẫu thuật tháo nẹp, vít